TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG Bản án số: 97/2017/HNGĐ-ST Ngày: 25-9-2017 V/v: "Xin ly hôn".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hải Long

2. Bà Trần Trương Thị Thiên Trà

- Thư ký phiên toà: Ông Võ Thành Luân – Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 456/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp: *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 14/9/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị Th; cư trú tại đường Q, Phường S, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T; cư trú tại cư trú tại đường Q, Phường S, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Th có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Đào Thị Th và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường S, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 115, quyển số 01 ngày 24/12/2010. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại cư trú tại đường Q, Phường S, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Theo chị Th thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T đi làm ăn xa, cuộc sống vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống; vợ chồng thường hay cãi vã, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không đạt kết quả, hiện nay vợ chồng đang sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn để trả tự do cho đôi bên.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phúc An Kh, sinh ngày 07/6/2012, hiện nay đang ở với chị Th. Khi ly hôn chị Th xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi con đủ tuổi thành niên, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Anh T thống nhất với ý kiến của Th về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay chị Th xin ly hôn anh cũng đồng ý và đồng ý giao con chung cho chị Th nuôi, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi con trưởng thành. Do điều kiện đi làm xa nên anh xin hòa giải và xét xử vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa,

Chị Th vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc vợ chồng mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống nên chị Đào Thị Th xin ly hôn anh Nguyễn Văn T, vì vậy có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là *"Xin ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án anh T có đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T là phù hợp.

Về quan hệ hôn nhân:

Vợ chồng chị Th, anh T đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2010 tại cơ quan có thẩm quyền, hôn nhân hợp pháp, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới.

Theo chị Th thì cuộc sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, đã sống ly thân một thời gian, nay chị

xin được ly hôn để trả tự do cho đôi bên, quá trình giải quyết vụ án anh T cũng đồng ý, do anh T xin vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải và công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự được, vụ án được đưa ra xét xử là phù hợp với các quy định của pháp luật và cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, cho chị Th và anh T được ly hôn.

Về con chung:

Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phúc An Kh, sinh ngày 07/6/2012, hiện nay đang ở với chị Th. Khi ly hôn chị Th xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi con đủ tuổi thành niên, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ; anh T cũng đồng ý. Qua xem xét thì thấy rằng hiện nay cháu Kh còn nhỏ, đang sống với mẹ, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường và lợi ích về mọi mặt của cháu Kh, theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giao cháu cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành, ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi con trưởng thành.

Với những nhận định trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Đào Thị Th, cho chị Th và anh T được ly hôn, giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000đ cho đến khi con thành niên.

[3] *Về án phí:* Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định. Anh T phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Th về việc *"Xin ly hôn",* cho ly hôn giữa chị Đào Thị Th và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Phúc An Kh, sinh ngày 07/6/2012 cho chị Đào Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành.

2.2. Anh Nguyễn Văn T phải đóng góp nuôi con với chị Đào Thị Th là 5.000.000đ/tháng (năm triệu đồng một tháng) cho đến khi cháu Kh thành niên (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí:

Chị Đào Thị Th phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001611 ngày 28/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; chị Th đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu tiền án phí sơ thẩm đối với phần cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ.

+ Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

+ Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND tp.Đ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- UBND Phường S, tp.. Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Huỳnh Châu Thạch